

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 7 - 2020
Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2020/QĐST-HGND, ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đức H; Nơi cư trú: Thôn 03, xã Đ, huyện T, thành phố H; Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 03, xã Đ, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn 02, xã Đ, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Đức H trình bày: Anh và chị Phạm Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố H vào ngày 30 tháng 10 năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn 3, xã Đ, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế,

chị Thảo không quan tâm chăm sóc gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xung đột cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay mỗi người một nơi không còn quan tâm nhau. Nay để ổn định cuộc sống anh Vũ Đức H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị P.

Về con chung: Anh Vũ Đức H trình bày, quá trình chung sống anh và chị Phạm Thị P có 02 con chung tên: Vũ Tiến D, sinh ngày 02/5/1999 và Vũ K, sinh ngày 26/9/2008, hiện nay con chung tên Vũ Tiến D đã trưởng thành trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Vũ K do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ khi vợ chồng sống ly thân, nay để ổn định cuộc sống học tập cho con, anh H đề nghị Tòa án giải quyết để anh được tiếp tục nuôi con chung tên Vũ K. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị Phạm Thị P tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Vũ Đức H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị P vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Phạm Thị P vẫn không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Vũ Đức H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Vũ Đức H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là chị Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên chưa chấp hành đúng pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Vũ Đức H tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị P. Và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Đức H được ly hôn chị Phạm Thị P. Về con chung: Giao con chung tên: Vũ K, sinh ngày 26/9/2008, cho anh Vũ Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Đức H không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Anh Vũ Đức H không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh của con; Bản

sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức H; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ và Công an xã Đ, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

Nguyên đơn anh Vũ Đức H vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là chị Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Đức H và chị Phạm Thị P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đức H và chị Phạm Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/1997, ngày 30 tháng 10 năm 1997 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Anh Vũ Đức H và chị Phạm Thị P sau khi kết hôn, sinh sống tại thôn 3, xã Đ, huyện T, thành phố H, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung, nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thể về đoàn tụ được nữa, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm nhau, để ổn định cuộc sống anh Vũ Đức H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị P. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Phạm Thị P đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Đức H. Căn cứ lời khai của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Thảo đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Thảo không hợp tác đến Tòa án trình bày quan điểm về việc anh Vũ Đức H xin ly hôn, điều đó thể hiện chị Thảo không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đức H, cho anh Vũ Đức H được ly hôn chị Phạm Thị P.

[3] Về con chung

Anh Vũ Đức H và chị Phạm Thị P có 02 con chung tên: Vũ Tiến D, sinh ngày 02/5/1999 và Vũ K, sinh ngày 26/9/2008, hiện nay con chung tên Vũ Tiến D đã trưởng thành trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Vũ K kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nay để ổn định cuộc sống học tập cho con, anh

H đề nghị Tòa án giải quyết để anh được tiếp tục nuôi con chung tên Vũ K. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị P vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu chứng cứ thể hiện anh Vũ Đức H là người trực tiếp nuôi con chung vẫn đảm bảo tốt, mặt khác con chung tên Vũ K có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đức H giao con chung tên Vũ K, sinh ngày 26/9/2008, cho anh Vũ Đức H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Đức H trình bày đề anh và chị Phạm Thị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị P chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung

Anh Vũ Đức H trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị P chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Vũ Đức H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Đức H được ly hôn chị Phạm Thị P.
2. Về con chung: Giao con chung tên Vũ K, sinh ngày 26/9/2008, cho anh Vũ Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Đức H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000799, ngày 24

tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Anh Vũ Đức H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Đ, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

